

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2008

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng			
Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn		94,871,824,784
1	Tiền		2,127,352,099
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		87,266,408,472
	- Chứng khoán tự doanh		9,890,656,200
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn		81,290,908,472
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		(3,915,156,200)
3	Các khoản phải thu		4,792,602,917
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác		685,461,296
II	Tài sản dài hạn		141,632,919,485
1	Tài sản cố định		34,275,837,526
	- Tài sản cố định hữu hình		3,353,852,221
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình		30,921,985,305
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		104,756,378,200
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		554,626,500
4	Tài sản dài hạn khác		2,046,077,259
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		236,504,744,269
IV	Nợ phải trả		136,721,368,538
1	Nợ ngắn hạn		34,736,693,538
2	Nợ dài hạn		101,984,675,000
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu		99,783,375,731
1	Vốn góp ban đầu		135,000,000,000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối		(35,216,624,269)
4	Vốn điều chỉnh		
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		236,504,744,269

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		1,732,500,000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần		1,732,500,000
4	Thu lãi đầu tư		
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		1,732,500,000
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán		365,024,000
7	Lợi nhuận gộp		1,367,476,000
8	Chi phí quản lý		1,162,766,150
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		204,709,850
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh		431,463,147
11	Tổng lợi nhuận trước thuế		636,172,997
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)		636,172,997
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp		178,128,439
14	Lợi nhuận sau thuế		458,044,558
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)		
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản			59.89%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản			40.11%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn			57.81%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn			42.19%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh			2.73
	- Khả năng thanh toán hiện hành			2.73
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			-15.08%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			-4785.14%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu			-35.75%

Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)